

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2022/TT-BCA

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO LẦN THỨ BA

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH QUY TRÌNH TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật của Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc phối hợp thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khiếu nại, tố cáo;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định quy trình Quy định quy trình tiếp nhận, phân loại, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong Công an nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định quy trình tiếp nhận, phân loại, thụ lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự theo quy định tại Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong Công an nhân dân.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp khiếu nại, tố cáo quyết định, hành vi tố tụng trong việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam quy định tại khoản 1 Điều 474 và khoản 4 Điều 481 Bộ luật Tố tụng hình sự; các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân đã được Viện kiểm sát phê chuẩn và các hành vi thực hiện các quyết định đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra của cơ quan điều tra trong Công an nhân dân và cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; Người khiếu nại, tố cáo, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự.

Điều 3. Nguyên tắc tiếp nhận, phân loại, thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự

1. Cơ quan và người có thẩm quyền giải quyết trong Công an nhân dân phải chấp hành nghiêm các nguyên tắc tiếp nhận, phân loại, thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Tố tụng hình sự quy định tại Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng hình sự; Chương II, Chương III Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 05/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc phối hợp thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về khiếu nại, tố cáo (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT).

2. Bảo đảm mọi khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự đều phải được tiếp nhận, phân loại, thụ lý và giải quyết kịp thời, đúng thời hạn theo quy định.

Điều 4. Sử dụng mẫu văn bản

Các văn bản ban hành trong việc tiếp nhận, phân loại, thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT (11 biểu mẫu).

Điều 5. Hồ sơ giải quyết khiếu nại và tố cáo trong tố tụng hình sự

1. Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự phải được lập, đánh số bút lục theo khoản 2 Điều 7 và khoản 2 Điều 11 Thông tư liên tịch 02/2018/TTLT.

2. Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự đều phải lập, đăng ký, quản lý theo quy định của Bộ Công an về Chế độ công tác hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân (*hồ sơ chuyên đề nghiệp vụ - ký hiệu NV*).

Chương II

QUY TRÌNH VIỆC TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI, THỤ LÝ VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 6. Tiếp nhận, phân loại, xử lý khiếu nại trong tố tụng hình sự

1. Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận khiếu nại, phân công cán bộ nghiên cứu, phân loại, đề xuất xử lý đơn. Trường hợp xác định là đơn khiếu nại trong tố tụng hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết và đủ điều kiện thụ lý theo quy định của Điều 5 Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT thì ghi chép đầy đủ nội dung khiếu nại vào sổ thụ lý như sau: *Nội dung Quyết định bị khiếu nại, hành vi tố tụng bị khiếu nại, căn cứ khiếu nại; thời gian, địa điểm diễn ra hành vi tố tụng bị khiếu nại; những người biết hoặc liên quan đến hành vi tố tụng bị khiếu nại; yêu cầu của người khiếu nại.*

2. Các trường hợp khiếu nại trong tố tụng hình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân và cấp trưởng các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra gồm:

a) Khiếu nại quyết định tố tụng của Phó Thủ trưởng, Điều tra viên của Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân;

b) Khiếu nại quyết định tố tụng của cấp phó các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

c) Khiếu nại hành vi tố tụng của Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, cán bộ điều tra của Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân; cấp phó, cán bộ điều tra của các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

3. Khi tiếp nhận khiếu nại trong tố tụng hình sự tại khoản 2 Điều này và đủ điều kiện thụ lý theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch 02/2018/TTLT thì người có thẩm quyền xem xét phân loại, xử lý như sau:

a) Khiếu nại đối với quyết định tố tụng của Phó Thủ trưởng, Điều tra viên của Cơ quan điều tra nào thì chuyển đến Thủ trưởng Cơ quan điều tra đó giải quyết.

b) Khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra của Cơ quan điều tra nào thì chuyển đến Thủ trưởng Cơ quan điều tra đó giải quyết.

c) Khiếu nại đối với quyết định tố tụng của cấp phó các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nào thì chuyển đến cấp trưởng các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đó giải quyết;

d) Khiếu nại đối với hành vi tố tụng của cấp phó, cán bộ điều tra của các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nào thì chuyển đến cấp trưởng các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đó giải quyết.

4. Khi tiếp nhận khiếu nại trong tố tụng hình sự không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này hoặc không đủ điều kiện thụ lý thì tùy từng trường hợp cụ thể cơ quan, người tiếp nhận khiếu nại thực hiện như sau: Chuyển đơn đến Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp theo quy định tại Điều 474, 475 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; trả lại đơn; hướng dẫn gửi đơn; chuyển đơn; yêu cầu người khiếu nại bổ sung theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư liên tịch 02/2018/TTLT.

Điều 7. Trình tự thụ lý và giải quyết khiếu nại trong trường hợp đủ điều kiện thụ lý

Kể từ ngày nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền và đủ điều kiện thụ lý, trong thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải thụ lý và thực hiện các thủ tục như sau:

1. Ban hành văn bản yêu cầu người khiếu nại trình bày về nội dung khiếu nại và cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ để làm rõ nội dung khiếu nại; Yêu cầu cơ quan, cá nhân có quyết định tố tụng, hành vi tố tụng bị khiếu nại giải trình bằng văn bản về quyết định, hành vi tố tụng bị khiếu nại và cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến những nội dung bị khiếu nại trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.
2. Kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định tố tụng, hành vi tố tụng như sau:
 - a) Kiểm tra các căn cứ ban hành quyết định tố tụng, thực hiện hành vi tố tụng bị khiếu nại;
 - b) Thẩm quyền ban hành quyết định tố tụng, thẩm quyền của người thực hiện hành vi tố tụng bị khiếu nại;
 - c) Nội dung của quyết định tố tụng và việc thực hiện hành vi tố tụng bị khiếu nại.
 - d) Trình tự, thủ tục ban hành quyết định tố tụng và việc thực hiện hành vi tố tụng bị khiếu nại.
3. Trường hợp kiểm tra nội dung khiếu nại thấy có căn cứ xác định quyết định tố tụng, hành vi tố tụng là đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định pháp luật thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại ra quyết định giải quyết khiếu nại ngay mà không cần tiến hành xác minh, giải quyết theo trình tự quy định; Đồng thời trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết để kiểm sát việc giải quyết khiếu nại.

Trường hợp cần tiến hành xác minh nội dung khiếu nại thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư này.

Điều 8. Tiến hành xác minh nội dung khiếu nại

1. Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp và cấp trưởng các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm phân công đơn vị giải quyết khiếu nại trừ đơn vị thụ lý, tham mưu ra quyết định tố tụng và thực hiện hành vi tố tụng để đảm bảo khách quan.
2. Trường hợp cần phải xác minh nội dung khiếu nại, người giải quyết khiếu nại tự mình xác minh hoặc ban hành quyết định phân công người tiến hành xác minh nội dung khiếu nại (*sau đây gọi chung là người giải quyết khiếu nại*) và thông báo về việc thụ lý khiếu nại gửi cho người khiếu nại, đồng thời gửi một bản cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát giải quyết khiếu nại trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra Thông báo về việc thụ lý khiếu nại.
3. Người giải quyết khiếu nại phải lập kế hoạch xác minh, giải quyết khiếu nại trình Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Cấp trưởng của các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phê duyệt.
4. Người giải quyết khiếu nại làm việc trực tiếp **hoặc bằng văn bản** yêu cầu người khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ để làm rõ nội dung khiếu nại như sau:
 - a) Thông tin nhân thân của người khiếu nại;
 - b) Thông tin, tài liệu, chứng cứ và giải trình bằng văn bản các nội dung có liên quan đến quyết định, hành vi tố tụng bị khiếu nại.
 - c) Trường hợp người khiếu nại hoặc người đại diện hợp pháp của người khiếu nại không đến, không hợp tác làm việc, không ký biên bản làm việc, không cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ và giải trình theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại dẫn đến hết thời hạn giải quyết khiếu nại không đủ cơ sở giải quyết thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại.
5. Người được phân công xác minh nội dung khiếu nại tiến hành các biện pháp, các nội dung theo kế hoạch xác minh, giải quyết khiếu nại đã được phê duyệt, đảm bảo đúng tiến độ thời gian đặt ra trong kế hoạch. Trong quá trình xác minh, giải quyết có thể đề xuất bổ sung kế hoạch thực hiện.

6. Quá trình giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có thể trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn thiệt hại có thể xảy ra.

7. Thời hạn giải quyết khiếu nại là 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Khi thời hạn xác minh nội dung khiếu nại đã hết nhưng nội dung xác minh chưa thực hiện xong thì người giải quyết khiếu nại xem xét gia hạn thời hạn xác minh. Thời hạn gia hạn xác minh không vượt quá thời hạn giải quyết khiếu nại.

Người được phân công giải quyết khiếu nại có báo cáo trình người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phê duyệt và thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết để kiểm sát việc giải quyết khiếu nại.

8. Trường hợp kết quả xác minh nội dung khiếu nại và yêu cầu của người khiếu nại còn khác nhau, nếu thấy cần thiết thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại.

9. Trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại, nếu người khiếu nại có đơn rút nội dung khiếu nại thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xử lý như sau:

a) Trường hợp người khiếu nại rút toàn bộ nội dung khiếu nại thì dừng việc xác minh, ban hành quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại.

b) Trường hợp người khiếu nại rút một phần thì tiếp tục xác minh nội dung khiếu nại còn lại theo quy định.

Điều 9. Báo cáo kết quả xác minh, kết luận nội dung khiếu nại

1. Kết thúc việc xác minh, người được phân công xác minh phải có văn bản báo cáo kết quả xác minh, trong đó thể hiện rõ quan điểm giải quyết đối với từng nội dung khiếu nại và đề xuất hướng giải quyết cụ thể, biện pháp giải quyết như sau:

a) Chấp nhận toàn bộ, chấp nhận một phần hoặc bác đơn khiếu nại;

b) Giữ nguyên, sửa đổi hoặc hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định bị khiếu nại;

c) Giải quyết các vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại.

2. Người được phân công xác minh giải quyết khiếu nại phải có báo cáo kết quả xác minh trình Thủ trưởng cơ quan điều tra, Cấp trưởng của các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra duyệt. Sau đó, người được phân công xác minh dự thảo Quyết định giải quyết khiếu nại để trình Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Cấp trưởng của các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra duyệt, ký theo thẩm quyền.

Điều 10. Thông báo và tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại

1. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại, Cơ quan điều tra, các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại hoặc quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát việc giải quyết khiếu nại; người khiếu nại, người bị khiếu nại. Đồng thời, báo cáo hoặc thông báo kết quả giải quyết khiếu nại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển đơn đến.

2. Trường hợp đối với các nội dung khiếu nại đúng, người được phân công xác minh, giải quyết khiếu nại đề xuất Thủ trưởng Cơ quan điều tra; cấp trưởng của các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra các biện pháp hoặc ra văn bản kiến nghị cơ quan, cá nhân có quyết định tổ tụng, hành vi tổ tụng bị khiếu nại khắc phục sai sót và giải quyết hậu quả thiệt hại (nếu có).

Chương III

QUY TRÌNH VIỆC TIẾP NHẬN, PHÂN LOẠI, THỤ LÝ VÀ GIẢI QUYẾT TỔ CÁO

Điều 11. Tiếp nhận, phân loại, xử lý tố cáo trong tố tụng hình sự

1. Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo (sau đây gọi chung là người giải quyết tố cáo) có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận đơn tố cáo, lập biên bản ghi nội dung tố cáo khi người tố cáo trực tiếp đến trình bày việc tố cáo (trường hợp cần thiết có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh); ghi chép đầy đủ nội dung tố cáo vào sổ thụ lý và theo dõi, giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

2. Khi tiếp nhận tố cáo trong tố tụng hình sự tại khoản 1 Điều này và đủ điều kiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư liên tịch 02/2018/TTLT thì người có thẩm quyền xử lý như sau:

a) Tố cáo Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra thuộc Cơ quan điều tra thì chuyển đến Thủ trưởng Cơ quan điều tra cùng cấp của người bị tố cáo.

b) Tố cáo Thủ trưởng Cơ quan điều tra; tố cáo Phó thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra thuộc Cơ quan điều tra đã được Thủ trưởng Cơ quan điều tra giải quyết nhưng người tố cáo không đồng ý mà có bằng chứng mới thì chuyển đến Thủ trưởng Cơ quan điều tra cấp trên trực tiếp.

c) Trong thời hạn 10 ngày, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tiến hành kiểm tra, xác minh về họ tên, địa chỉ của người tố cáo và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về tố cáo và quyết định việc thụ lý, giải quyết tố cáo.

3. Khi tiếp nhận tố cáo trong tố tụng hình sự không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này; tố cáo người giải quyết khiếu nại nhưng người tố cáo không cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho nội dung tố cáo; tố cáo hành vi vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm; tố cáo đã được giải quyết hoặc tố cáo không đủ điều kiện thụ lý thì tùy từng trường hợp cơ quan, người tiếp nhận trả lại đơn, hướng dẫn gửi đơn hoặc chuyển đơn theo quy định tại Điều 481 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 10 Thông tư liên tịch 02/2018/TTLT.

Điều 12. Phân công xác minh nội dung tố cáo và thông báo về việc thụ lý giải quyết tố cáo

1. Kiểm tra điều kiện thụ lý tố cáo theo quy định tại Điều 9 của Thông tư liên tịch 02/2018/TTLT. Trường hợp không đủ điều kiện thụ lý thì thông báo bằng văn bản cho người tố cáo biết về việc không thụ lý giải quyết tố cáo.

2. Ban hành quyết định phân công xác minh nội dung tố cáo. Trường hợp người có thẩm quyền giải quyết tố cáo không trực tiếp tiến hành xác minh thì ra quyết định phân công người tiến hành xác minh nội dung tố cáo. Người được phân công xác minh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch xác minh nội dung tố cáo trình người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định phân công xác minh nội dung tố cáo, Cơ quan điều tra phải gửi văn bản thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để tiến hành kiểm sát việc giải quyết tố cáo và thông báo việc thụ lý đơn tố cáo cho người tố cáo biết.

Điều 13. Tiến hành xác minh nội dung tố cáo

1. Người được phân công xác minh nội dung tố cáo phải lập kế hoạch xác minh nội dung tố cáo trình Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Cán bộ được phân công xác minh nội dung tố cáo chủ động thực hiện kế hoạch xác minh được duyệt, chịu trách nhiệm về kết quả xác minh trước pháp luật và người ra quyết định phân công xác minh nội dung tố cáo.

2. Người xác minh nội dung tố cáo làm việc trực tiếp và yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ để làm rõ nội dung tố cáo như sau:

a) Thông tin nhân thân của người tố cáo;

b) Thông tin, tài liệu, chứng cứ và giải trình bằng văn bản các nội dung có liên quan đến nội dung tố cáo.

c) Trong trường hợp giải trình của người bị tố cáo chưa rõ, thông tin, tài liệu, chứng cứ do người bị tố cáo cung cấp chưa đầy đủ thì yêu cầu người bị tố cáo tiếp tục giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ về các vấn đề còn chưa rõ;

3. Trường hợp không làm việc trực tiếp với người tố cáo vì lý do khách quan thì có văn bản yêu cầu người tố cáo cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ, vật chứng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu để làm rõ nội dung tố cáo.

4. Trường hợp xét thấy cần thiết bảo vệ người tố cáo khi họ bị đe dọa, trả thù, trù dập thì người giải quyết tố cáo phải đề xuất biện pháp kịp thời yêu cầu cơ quan chức năng bảo vệ người tố cáo.

5. Người được phân công xác minh nội dung tố cáo tiến hành các biện pháp, các nội dung theo kế hoạch xác minh nội dung tố cáo đã được phê duyệt, đảm bảo đúng tiến độ thời gian đặt ra trong kế hoạch. Trong quá trình xác minh, giải quyết có thể đề xuất bổ sung kế hoạch thực hiện.

6. Quá trình giải quyết tố cáo, người giải quyết tố cáo làm việc trực tiếp hoặc ban hành các văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu để thu thập chứng cứ liên quan đến nội dung tố cáo. Trong trường hợp cần thiết, người giải quyết tố cáo trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần

thiệt nhằm ngăn chặn kịp thời hành vi bị tố cáo gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, tính mạng, sức khỏe, tài sản của cá nhân.

7. Thời hạn giải quyết tố cáo không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được tố cáo. Khi thời hạn xác minh nội dung tố cáo đã hết, nhưng nội dung xác minh chưa thực hiện xong thì người giải quyết tố cáo xem xét gia hạn thêm thời hạn xác minh 01 lần nhưng thời hạn gia hạn xác minh không vượt quá thời hạn giải quyết tố cáo.

Người được phân công giải quyết tố cáo có báo cáo về việc gia hạn thời hạn xác minh trình người có thẩm quyền giải quyết tố cáo phê duyệt và thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết để kiểm sát việc giải quyết tố cáo.

Điều 14. Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo

1. Kết thúc xác minh nội dung tố cáo, người được phân công xác minh phải có văn bản báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo trình Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Báo cáo phải nêu rõ nội dung vụ việc, xác định nội dung tố cáo đúng; đúng một phần; sai toàn bộ hoặc không đủ cơ sở kết luận; đề xuất kiến nghị các biện pháp giải quyết nội dung tố cáo và trả lời người tố cáo.

2. Trường hợp xét thấy cần thiết, người được phân công xác minh nội dung tố cáo đề xuất Thủ trưởng Cơ quan điều tra tổ chức tham khảo ý kiến tư vấn của các cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý cấp trên hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trước khi kết luận nội dung tố cáo.

Điều 15. Kết luận nội dung tố cáo, thông báo và xử lý các vấn đề liên quan

1. Căn cứ báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo đã được Thủ trưởng Cơ quan điều tra phê duyệt, người được phân công xác minh nội dung tố cáo dự thảo Quyết định giải quyết tố cáo trình Thủ trưởng Cơ quan điều tra ký, ban hành.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết tố cáo, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định giải quyết tố cáo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để tiến hành kiểm sát việc giải quyết tố cáo, người tố cáo, người bị tố cáo. Đồng thời thông báo việc giải quyết tố cáo cho cơ quan quản lý người bị tố cáo; báo cáo hoặc thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển đơn đến.

3. Trường hợp kết luận nội dung tố cáo đúng hoặc đúng một phần nhưng người có hành vi vi phạm chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì người giải quyết tố cáo đề xuất biện pháp hoặc ra văn bản kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý người vi phạm, khắc phục hậu quả thiệt hại (nếu có).

4. Trường hợp kết luận xác định người tố cáo cố ý tố cáo sai sự thật thì người giải quyết tố cáo đề xuất hoặc ra văn bản kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra; đồng thời, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Khiếu nại, tố cáo đã được thụ lý, đang xác minh và chưa có kết luận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục giải quyết theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an là đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư và theo dõi đối với lực lượng Cảnh sát; Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an thực hiện theo dõi, hướng dẫn đối với các đơn vị điều tra thuộc hệ lực lượng An ninh.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an) để có hướng dẫn kịp thời.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các cục, đơn vị tương đương cấp Cục thuộc cơ quan Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Lưu VT, C01;

Đại tướng Tô Lâm